

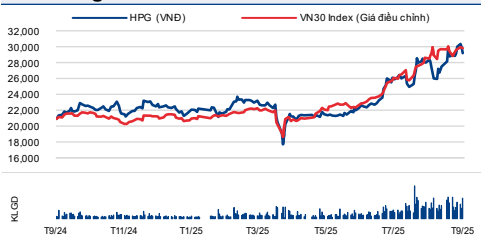
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ37,900
Tiềm năng tăng/giảm: 30.0%

Giá cổ phiếu (đồng) (18/9/2025)	29,150
Mã Bloomberg	HPG VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	17,749-30,350
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	29,663
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	223,740
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	8,480
Slg CP lưu hành (tr.đv)	7,675
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	3,761
Slg CP NN được mua (tr.đv)	2,200
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	20.3%
Tỷ lệ freefloat	54.1%
Cổ đông lớn	Trần Đình Long (26.1%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	138,855	173,234	229,104
EBITDA đc (tỷ đồng)	21,588	31,007	40,662
LNTT (tỷ đồng)	13,693	19,771	26,178
LNT ĐC (tỷ đồng)	11,419	16,528	22,879
FCF (tỷ đồng)	(28,452)	(5,531)	(4,132)
EPS ĐC (đồng)	1,488	2,153	2,981
DPS (đồng)	0	1,000	1,000
BVPS (đồng)	17,878	17,052	19,033
T.trưởng EBITDA (%)	31.4	43.6	31.1
T.trưởng EPS ĐC (%)	59.9	20.6	38.4
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	15.5	17.9	17.7
Tỷ suất LNTT (%)	9.86	11.4	11.4
Tỷ suất LNT ĐC (%)	8.66	10.0	10.5
Tỷ lệ LN trả CT (%)	0	44.1	31.9
Nợ thuần/VCSH (%)	67.2	57.1	52.2
ROAE (%)	11.1	14.2	17.4
ROACE (%)	11.0	13.8	17.0
EV/doanh thu (lần)	1.76	1.62	1.21
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.3	9.04	6.79
P/E ĐC (lần)	19.6	13.5	9.78
P/B (lần)	1.63	1.71	1.53
Lợi suất cổ tức (%)	0	3.43	3.43

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Hòa Phát là Tập đoàn sản xuất công nghiệp hàng đầu Việt Nam với bốn mảng kinh doanh chính bao gồm: Thép xây dựng, Ống thép & Tôn, Bất động sản & Khu công nghiệp và Nông nghiệp.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Tháng 8: HRC dẫn dắt nhu cầu, dù trong mùa thấp điểm

- HPG đã bán 866.222 tấn thép trong tháng 8, tăng 3% so với cùng kỳ mặc dù đi ngang so với tháng trước, nâng tổng sản lượng tiêu thụ trong 8 tháng đầu năm 2025 lên 7,3 triệu tấn (tăng 18% so với cùng kỳ), sát với dự báo của HSC.
- Nhu cầu HRC là động lực tăng trưởng chính sản lượng của HPG trong tháng 8, tăng 66% so với cùng kỳ và tăng 21% so với tháng trước, đạt 431.192 tấn. Xu hướng này được thúc đẩy bởi các chính sách bảo hộ. Ngược lại, nhu cầu thép xây dựng kém tích cực, giảm 16% so với cùng kỳ và giảm 14% so với tháng trước, xuống còn 318.743 tấn, do HPG thực hiện chiến lược tạm thời là chuyển trọng tâm sang HRC và sức mua của toàn thị trường giảm đi trong tháng 8.
- Nhu cầu trong nước tăng 55% so với cùng kỳ nhưng giảm 4% so với tháng trước trong khi sản lượng xuất khẩu giảm mạnh 69% so với cùng kỳ (nhưng tăng 36% so với tháng trước). Chúng tôi kỳ vọng nhu cầu trong nước sẽ tiếp tục là động lực tăng trưởng chính. Duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 37.900đ (tiềm năng tăng giá 30%)..

Sự kiện: Công bố sản lượng tiêu thụ tháng 8/2025

Ngày 19/9/2025, Hiệp hội Thép Việt Nam công bố báo cáo ngành trong tháng 8. Theo đó, HPG đã bán 866.222 tấn thép trong tháng 8, tăng 3% so với cùng kỳ nhưng đi ngang so với tháng trước. Kết quả trên giúp sản lượng tiêu thụ trong 8 tháng đầu năm 2025 tăng 18% so với cùng kỳ đạt 7,3 triệu tấn. Chi tiết như sau:

HRC đóng góp lớn nhất vào sản lượng tiêu thụ tháng 8/2025

HPG đã bán 431.192 tấn HRC trong tháng 8/2025, tăng 66% so với cùng kỳ và tăng 21% so với tháng trước, đưa tổng sản lượng HRC trong 8 tháng đầu năm 2025 lên 2.956.242 tấn (tăng 46% so với cùng kỳ).

KQKD vững chắc này có được là nhờ chính sách áp thuế CBPG lên tới 27,83%, áp dụng từ tháng 3/2025 đối với các sản phẩm của Trung Quốc. Thị phần của HPG trong số các nhà sản xuất trong nước đạt 64,3% trong tháng 8/2025 và 56,7% trong 8 tháng đầu năm 2025, cao hơn so với mức chỉ 44,5% trong năm 2024. Nếu tính luôn sản lượng HRC nhập khẩu, thị phần HRC của HPG (dựa trên tổng nhu cầu HRC của Việt Nam) đã tăng lên 23,8% trong 7 tháng đầu năm 2025, cao hơn so với 12,5% trong năm 2024.

Nhờ thị phần tăng mạnh, HRC đã đóng góp lớn nhất vào sản lượng tiêu thụ chung trong tháng 8/2025, với tỷ trọng sản lượng tiêu thụ thép của HPG đạt 49,8%, cao hơn so với 30,8% trong tháng 8/2024 và 31,6% trong năm 2024. Mức đóng góp của HRC cao hơn thép xây dựng. Trong 8 tháng đầu năm 2025, HRC đóng góp 40,5% vào sản lượng tiêu thụ thép của HPG.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 19/9.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Sản lượng tiêu thụ T8/2025 và 8 tháng đầu năm 2025, HPG

Sản lượng tiêu thụ T8/2025 tăng 3% so với cùng kỳ trong khi đi ngang so với tháng trước

Tấn	T8/25	So với cùng kỳ	So với tháng trước	8T25	So với cùng kỳ
Sản phẩm thượng nguồn	767,684	4.5%	5.5%	6,467,171	19.4%
Thép xây dựng	318,743	-15.8%	-14.0%	3,158,091	6.9%
Phôi thép	17,749	-81.6%	n/a	352,838	-19.4%
HRC	431,192	66.0%	20.8%	2,956,242	46.1%
Ống thép	70,700	18.6%	-15.5%	556,713	25.8%
Tôn mạ	27,838	-41.9%	-47.7%	280,928	-10.6%
Tổng sản lượng tiêu thụ	866,222	2.9%	0.2%	7,304,812	18.4%
Sản lượng thép thô	953,449	34.4%	15.5%	6,904,794	18.9%

Nguồn: VSA, HSC

Xét theo thị trường, nhu cầu trong nước đối với HRC của HPG trong tháng 8 đã cải thiện mạnh 129% so với cùng kỳ và 9% so với tháng trước, đạt 360.547 tấn, với sản lượng tiêu thụ HRC trong nước 8 tháng đầu năm 2025 đạt 2,6 triệu tấn, tăng 90% so với cùng kỳ. Trái lại, sản lượng xuất khẩu giảm 31% so với cùng kỳ (mặc dù tăng 170% so với tháng trước) đạt 70.645 tấn, với sản lượng xuất khẩu HRC 8 tháng đầu năm 2025 chỉ đạt 393.207 tấn, giảm 42% so với cùng kỳ.

Việc bổ sung tổng cộng 6 triệu tấn công suất HRC/năm trong năm nay (nâng tổng công suất thiết kế của HRC lên 9 triệu tấn/năm) sẽ giúp công suất hàng tháng của HPG tăng lên 700.000-750.000 tấn từ tháng 11/2025 trở đi. Hơn nữa, chúng tôi thấy sản lượng tiêu thụ HRC hàng tháng trong những tháng tới có khả năng sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh.

Sản lượng tiêu thụ thép xây dựng giảm khi Công ty chuyển trọng tâm sang HRC

HPG đã bán 318.743 tấn thép xây dựng trong tháng 8, giảm 16% so với cùng kỳ và giảm 14% so với tháng trước do:

(1) HPG tạm thời chuyển trọng tâm sang HRC do tạm thời cho ngừng hoạt động nhà máy để bảo trì một lò cao tại Khu liên hợp gang thép Dung Quất (DQSC) Giai đoạn 1 vào đầu tháng 5/2025. Công ty chuyển trọng tâm sang HRC nhằm giành thêm thị phần ở phân khúc sản phẩm này, và (2) mùa mưa cùng với tháng cô hồn diễn ra muộn hơn một chút so với năm ngoái, dẫn đến sự sụt giảm chung của thị trường thép xây dựng trong tháng 8.

Do đó, sản lượng tiêu thụ thép xây dựng trong 8 tháng đầu năm 2025 tăng 7% so với cùng kỳ lên gần 3,2 triệu tấn. Thị phần thép xây dựng của Công ty đạt 36,5% trong 8 tháng đầu năm 2025, thấp hơn so với mức 37,6% trong năm 2024. Như chúng tôi đã thảo luận ở phần trên, Công ty đánh mất một phần nhỏ thị phần có thể là do sự cố tại một lò cao vào đầu tháng 5. HSC kỳ vọng lò cao này sẽ hoạt động bình thường trở lại từ giữa tháng 10/2025.

Phân khúc ống thép tiếp tục vững chắc, tuy nhiên, tôn mạ đang gặp nhiều khó khăn

Trong tháng 8/2025, HPG đã bán 70.700 tấn ống thép, tăng 18,6% so với cùng kỳ nhưng giảm 15,5% so với tháng trước do yếu tố thời vụ. Theo đó, tính chung 8 tháng đầu năm 2025, sản lượng tiêu thụ ống thép đạt 556.713 tấn, tăng 25,8% so với cùng kỳ. Trong 8 tháng đầu năm 2025, thị phần ống thép của HPG đã tăng mạnh lên 30,4% so với 27,7% trong năm 2024.

Đối với phân khúc tôn mạ, sản lượng tiêu thụ tháng 8 giảm 41,9% so với cùng kỳ và giảm 47,7% so với tháng trước, xuống chỉ còn 27.838 tấn, do sản lượng xuất khẩu giảm mạnh. Theo đó, sản lượng tiêu thụ tôn mạ 8 tháng đầu năm 2025 đạt 280.928 tấn, giảm 10,6% so với cùng kỳ và có phần vượt trội hơn so với các công ty cùng ngành. Thị phần thép xây dựng của HPG tăng lên 8,5% trong 8 tháng đầu năm 2025, cao hơn so với mức 8,2% trong năm 2024.

Sản lượng sản xuất tháng 8 cao kỷ lục

Trong tháng 8/2025, HPG đã sản xuất 953.449 tấn thép thô, tăng 34,4% so với cùng kỳ và tăng 15,5% so với tháng trước, mức cao kỷ lục. Theo đó, tính chung 8 tháng đầu năm 2025, sản lượng thép thô đạt 6,9 triệu tấn, tăng 18,9% so với cùng kỳ.

HSC lưu ý rằng lò cao số 2 của DQSC Giai đoạn 2 đã bắt đầu vận hành vào tháng 9/2025. Chúng tôi cũng kỳ vọng lò cao số 1 của DQSC Giai đoạn 1 sẽ hoạt động trở lại sau giai đoạn bảo trì từ giữa tháng 10, có thể sẽ giúp sản lượng sản xuất thiết lập mức kỷ lục mới.

Do đó, vào cuối năm 2025, công suất thiết kế hàng tháng của HPG dự kiến đạt 1,24 triệu tấn (tương đương công suất hàng năm khoảng 15 triệu tấn) so với chỉ 741.667 tấn/tháng trong năm 2024.

Duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu không đổi 37.900đ

Cho năm 2025, HSC giữ nguyên dự báo KQKD, với doanh thu thuần đạt 173 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 24,8% và lợi nhuận thuần 17,4 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 44,7%. Theo đó, lợi nhuận thuần nửa cuối năm 2025 được dự báo đạt 9.797 tỷ đồng, tăng 68% so với cùng kỳ và tăng 29% so với nửa đầu năm.

Sau khi giá cổ phiếu tăng 29% trong 3 tháng qua, HPG đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 11 lần, thấp hơn so với bình quân 3 năm ở mức 13,1 lần. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào đối với HPG với giá mục tiêu không đổi là 37.900đ (tiềm năng tăng giá 30%).

Bảng 2: Đóng góp sản lượng của các dòng sản phẩm, HPG

HRC vượt thép xây dựng và trở thành sản phẩm đóng góp lớn nhất vào tổng sản lượng tiêu thụ

Tỷ trọng	T8-24	T8-25	8T24	8T25
Thép xây dựng	44.9%	36.8%	47.9%	43.2%
Phôi thép	11.4%	2.0%	7.1%	4.8%
HRC	30.8%	49.8%	32.8%	40.5%
Ống thép	7.1%	8.2%	7.2%	7.6%
Tôn mạ	5.7%	3.2%	5.1%	3.8%
Tổng	100.0%	100.0%	100.0%	100.0%

Nguồn: VSA, HSC

Bảng 3: Cơ cấu sản lượng tiêu thụ theo thị trường, HPG

HPG chuyển hướng tập trung sang thị trường nội địa

Tấn	T8-25	So với cùng kỳ	So với tháng trước	8T25	So với cùng kỳ
Trong nước	755,514	55.4%	-3.6%	6,041,242	48.6%
Xuất khẩu	110,708	-68.9%	36.4%	1,263,570	-40.0%
Tổng sản lượng	866,222	2.9%	0.2%	7,304,812	18.4%
Tỷ trọng	100.0%			100.0%	
Trong nước	87.2%			82.7%	
Xuất khẩu	12.8%			17.3%	

Nguồn: VSA, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	118,953	138,855	173,234	229,104	254,976
Lợi nhuận gộp	12,938	18,498	27,569	36,742	44,017
Chi phí BH&QL	(3,269)	(3,883)	(5,110)	(6,759)	(7,522)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	9,669	14,615	22,458	29,983	36,495
Lãi vay thuần	(2,018)	(1,348)	(2,722)	(3,851)	(3,000)
Lãi/nỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	142	426	34.6	45.8	51.0
LNTT	7,793	13,693	19,771	26,178	33,546
Chi phí thuế TNDN	(992)	(1,673)	(2,373)	(2,094)	(2,348)
Lợi ích cổ đông thiểu số	34.7	(0.42)	(0.61)	(0.84)	(1.09)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	6,835	12,020	17,398	24,083	31,197
Lợi nhuận thuần ĐC	6,493	11,419	16,528	22,879	29,637
EBITDA ĐC	16,431	21,588	31,007	40,662	48,126
EPS (đồng)	1,175	1,879	2,267	3,138	4,064
EPS ĐC (đồng)	846	1,488	2,153	2,981	3,861
DPS (đồng)	0	0	1,000	1,000	1,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	5,815	6,396	7,675	7,675	7,675
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	5,815	6,396	7,675	7,675	7,675
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	5,815	6,396	7,675	7,675	7,675

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	12,252	6,888	26,796	16,712	16,883
Đầu tư ngắn hạn	22,177	18,975	17,323	22,910	30,597
Phải thu khách hàng	10,702	7,622	15,591	22,910	28,047
Hàng tồn kho	34,504	46,521	51,970	66,440	73,943
Các tài sản ngắn hạn khác	3,081	7,073	8,662	11,455	15,299
Tổng tài sản ngắn hạn	82,716	87,079	120,342	140,428	164,769
TSCĐ hữu hình	97,886	130,994	133,707	127,421	126,441
TSCĐ vô hình	211	184	203	223	245
Bất động sản đầu tư	594	560	530	496	460
Đầu tư dài hạn	40.0	137	0	0	0
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	6,335	5,537	6,612	8,721	9,695
Tổng tài sản dài hạn	105,066	137,411	141,051	136,862	136,841
Tổng cộng tài sản	187,783	224,490	261,393	277,290	301,610
Nợ ngắn hạn	54,982	55,883	60,632	68,731	71,393
Phải trả người bán	12,387	14,110	17,323	25,201	28,047
Nợ ngắn hạn khác	2,457	3,029	3,234	3,835	4,059
Tổng nợ ngắn hạn	71,513	75,503	84,286	101,863	108,057
Nợ dài hạn	10,399	27,080	39,912	23,026	19,189
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	30.0	29.3	0	0	0
Nợ dài hạn khác	2,948	7,162	6,019	6,021	6,022
Tổng nợ dài hạn	13,378	34,271	45,932	29,047	25,211
Tổng nợ phải trả	84,946	109,842	130,217	130,910	133,268
Vốn chủ sở hữu	102,771	114,355	130,883	146,086	168,047
Lợi ích cổ đông thiểu số	65.8	293	293	294	295
Tổng vốn chủ sở hữu	102,836	114,647	131,176	146,380	168,343
Tổng nợ phải trả và VCSH	187,783	224,490	261,393	277,290	301,610
BVPS (đ)	17,674	17,878	17,052	19,033	21,894
Nợ thuần*/(tiền mặt)	53,129	76,075	73,748	75,045	73,699

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	9,669	14,615	22,458	29,983	36,495
Khấu hao	(6,762)	(6,973)	(8,549)	(10,679)	(11,630)
Lãi vay thuần	(2,018)	(1,348)	(2,722)	(3,851)	(3,000)
Thuế TNDN đã nộp	(560)	(937)	(2,373)	(2,094)	(2,348)
Thay đổi vốn lưu động	(6,218)	(13,845)	(22,354)	(37,767)	(22,680)
Khác	(4,595)	(2,067)	(3,731)	(4,939)	(4,452)
LCT thuần từ HĐKD	8,643	7,027	5,719	249	22,551
Đầu tư TS dài hạn	(17,374)	(35,479)	(11,250)	(4,381)	(10,636)
Góp vốn & đầu tư	(37,581)	(27,817)	1,615	(5,643)	(7,713)
Thanh lý	42,960	33,152	519	675	597
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	(11,995)	(30,143)	(9,116)	(9,348)	(17,751)
Cổ tức trả cho CSH	(8.01)	(4.97)	0	(7,675)	(7,675)
Thu từ phát hành CP	(1.64)	233	0	0	0
Tăng/giảm nợ	7,285	17,524	23,306	6,691	3,047
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	7,276	17,752	23,306	(984)	(4,628)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	8,325	12,252	6,888	26,796	16,712
LCT thuần trong kỳ	3,924	(5,365)	19,908	(10,084)	171
Ảnh hưởng của tỷ giá	3.86	0.49	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	12,252	6,888	26,796	16,712	16,883
Dòng tiền tự do	(8,731)	(28,452)	(5,531)	(4,132)	11,915

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	10.9	13.3	15.9	16.0	17.3
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	13.8	15.5	17.9	17.7	18.9
Tỷ suất LNT (%)	5.75	8.66	10.0	10.5	12.2
Thuế TNDN hiện hành (%)	12.7	12.2	12.0	8.00	7.00
Tăng trưởng doanh thu (%)	(15.9)	16.7	24.8	32.3	11.3
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(17.4)	31.4	43.6	31.1	18.4
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	(19.4)	75.9	44.7	38.4	29.5
Tăng trưởng EPS (%)	(19.4)	59.9	20.6	38.4	29.5
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(19.4)	75.9	44.7	38.4	29.5
Tăng trưởng DPS (%)	nm	nm	nm	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	0	44.1	31.9	24.6
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	6.88	11.1	14.2	17.4	19.9
ROACE (%)	8.62	11.0	13.8	17.0	19.8
Vòng quay tài sản (lần)	0.66	0.67	0.71	0.85	0.88
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.89	0.48	0.25	0.01	0.62
Số ngày tồn kho	119	141	130	126	128
Số ngày phải thu	36.8	23.1	39.1	43.5	48.5
Số ngày phải trả	42.6	42.8	43.4	47.8	48.5
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	52.4	67.2	57.1	52.2	44.7
Nợ/tài sản (%)	35.2	37.3	38.8	33.5	30.5
EBIT/lãi vay (lần)	4.79	10.8	8.25	7.79	12.2
Nợ/EBITDA (lần)	4.02	3.88	3.27	2.29	1.91
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.16	1.15	1.43	1.38	1.52
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	1.69	1.76	1.62	1.21	1.05
EV/EBITDA ĐC (lần)	12.2	11.3	9.04	6.79	5.55
P/E (lần)	24.8	15.5	12.9	9.29	7.17
P/E ĐC (lần)	34.5	19.6	13.5	9.78	7.55
P/B (lần)	1.65	1.63	1.71	1.53	1.33
Lợi suất cổ tức (%)	0	0	3.43	3.43	3.43

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn